

NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC CÓ HỖ TRỢ AI TRONG DẠY - HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC TẠI HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

PHẠM HÀ NAM
Học viện An ninh nhân dân

Nhận bài ngày 06/3/2026. Sửa chữa xong 16/4/2026. Duyệt đăng 24/4/2026.

Abstract

Although the flipped classroom model has gained increasing attention in international Chinese language education, its implementation in Vietnam still faces challenges related to self-study supervision, personalized feedback, and interaction quality. This study proposes an AI-integrated smart flipped classroom framework to address these limitations. A five-week pedagogical experiment was conducted with 30 students at the People's Security Academy, comparing an AI-assisted experimental group with a traditional control group. The results show that the experimental group made greater progress across all assessed dimensions. The findings indicate that AI can not only mitigate the limitations of the conventional flipped classroom model but also optimize pedagogical processes through personalized feedback and enhanced interaction. This approach offers a promising direction for innovating and improving the quality of Chinese language education in Vietnam's digital era.

Keywords: AI-assisted instruction, experimental study, flipped classroom, international Chinese language teaching, Vietnamese students.

1. Đặt vấn đề

Mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) đã trở thành xu hướng cải cách quan trọng nhờ khả năng tái cấu trúc không gian và thời gian dạy - học, chuyển việc truyền thụ tri thức ra ngoài lớp học để dành thời gian trên lớp cho các hoạt động tương tác và kiến tạo tri thức. Trong giảng dạy Tiếng Trung quốc tế, mô hình này giúp gia tăng cơ hội sản xuất ngôn ngữ và nâng cao chất lượng tương tác giữa giáo viên (GV) và người học [2, tr. 65]. Tuy nhiên tại Việt Nam, dù nhu cầu học tập tăng cao, thực tiễn giảng dạy vẫn đối mặt với tình trạng sinh viên (SV) thụ động và ít cơ hội biểu đạt thực tế. Việc áp dụng lớp học đảo ngược (LHĐN) hiện nay đang vấp phải những thách thức lớn như ý thức tự học của SV chưa cao dẫn đến khó đảm bảo nhiệm vụ trước giờ lên lớp, SV thiếu sự giải đáp tức thời khi gặp khó khăn về ngôn ngữ trong quá trình tự học và GV khó nắm bắt chính xác tình hình tiếp thu để thiết kế hoạt động có mục tiêu. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại khả năng giải quyết triệt để các vấn đề này thông qua việc theo dõi hành vi, phản hồi tức thời và trực quan hóa dữ liệu học tập. Do đó, nghiên cứu tích hợp sâu AI để xây dựng mô hình LHĐN thông minh là hướng đi cấp thiết, giúp bù đắp thiếu hụt của mô hình truyền thống và đảm bảo hiệu quả chuyển hóa tri thức thành năng lực giao tiếp thực tế. Việc khai phá lộ trình này không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn cung cấp cho GV một phương án giảng dạy khả thi, mang tính thích ứng cao trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam, từ đó nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngôn ngữ chất lượng cao.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và mô hình lớp học đảo ngược có hỗ trợ AI

2.1.1. Cơ sở lý luận của lớp học đảo ngược

Cơ sở lý luận của LHĐN được hình thành trên nền tảng tư tưởng dạy học lấy người học làm trung

Email: hanam.pham18@gmail.com

tâm và các lý thuyết học tập hiện đại. Mô hình này phản ánh sự chuyển dịch từ dạy học truyền thụ sang dạy học kiến tạo, trong đó người học giữ vai trò chủ động trong quá trình tiếp nhận và vận dụng tri thức. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, LHĐN được xem là mô hình phù hợp nhằm phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề. Về mặt lý luận, mô hình này kế thừa quan điểm của Benjamin Bloom về học tập nắm vững (Mastery Learning). Bloom cho rằng người học có thể đạt mức độ thành thạo cao nếu được cung cấp đủ thời gian học tập và phản hồi kịp thời. Từ đó, LHĐN chuyển phần tiếp nhận kiến thức cơ bản ra ngoài lớp học thông qua video, tài liệu số hoặc học liệu trực tuyến, giúp người học tự điều chỉnh tốc độ học và củng cố kiến thức nền trước khi đến lớp. Thời gian trên lớp được dành cho hoạt động thực hành và phản hồi, qua đó hỗ trợ quá trình học đến khi nắm vững. Bên cạnh đó, LHĐN gắn chặt với thuyết kiến tạo (Constructivism) của Jean Piaget và Lev Vygotsky. Theo quan điểm này, tri thức không phải là sản phẩm được truyền đạt một chiều mà được người học kiến tạo thông qua trải nghiệm và tương tác xã hội. Trong LHĐN, các hoạt động trên lớp như thảo luận, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm tạo điều kiện để người học tái cấu trúc và mở rộng tri thức đã tiếp nhận trước đó. Đặc biệt, với khái niệm vùng phát triển gần của Vygotsky, GV đóng vai trò người hỗ trợ, cung cấp “gàin giáo” giúp người học vượt qua mức năng lực hiện tại. Ngoài ra, mô hình này liên quan trực tiếp đến thang tư duy Bloom, khi các mức độ thấp như ghi nhớ và hiểu được chuyển ra ngoài lớp học, còn thời gian trên lớp tập trung vào các mức độ cao hơn như vận dụng, phân tích và sáng tạo. Điều này giúp tối ưu hóa việc sử dụng thời gian lớp học và nâng cao chất lượng tương tác học tập.

Về mặt tổ chức, LHĐN tái cấu trúc trình tự dạy học truyền thống. Hoạt động tiếp nhận kiến thức (input) được thực hiện trước giờ học thông qua học liệu số, trong khi thời gian trên lớp tập trung vào thực hành, hợp tác và giải quyết nhiệm vụ. Sự thay đổi này giúp tăng cường mức độ tham gia của người học, đồng thời chuyển vai trò của GV từ người truyền đạt sang người hướng dẫn và hỗ trợ cá nhân hóa. Xét từ góc độ tâm lý học giáo dục, mô hình này góp phần tăng cường động cơ học tập nội tại. Khi người học có quyền chủ động về thời gian và tốc độ học tập, họ cảm thấy có trách nhiệm hơn với quá trình học của mình. Đồng thời, việc tham gia các hoạt động mang tính ứng dụng trên lớp giúp người học nhận thấy rõ ý nghĩa thực tiễn của kiến thức, từ đó tăng hứng thú học tập. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, LHĐN càng phát huy ưu thế nhờ khả năng kết hợp linh hoạt giữa học trực tuyến và học trực tiếp. Điều này không chỉ giúp mở rộng không gian học tập mà còn hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học, đáp ứng sự khác biệt về trình độ và nhu cầu của người học. Có thể thấy, LHĐN dựa trên sự kết hợp giữa nhiều nền tảng lý luận hiện đại, từ học tập nắm vững, kiến tạo tri thức đến phân loại tư duy. Nhờ đó, mô hình này không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn thúc đẩy phát triển năng lực tư duy bậc cao, khả năng hợp tác và năng lực tự học, phù hợp với yêu cầu của giáo dục đại học hiện nay.

2.1.2. Xây dựng mô hình lớp học đảo ngược có hỗ trợ AI

Mô hình LHĐN có hỗ trợ AI được xây dựng trong bài viết này bao gồm bốn mô-đun chính nhằm cá nhân hóa quá trình dạy-học và tối ưu hóa hiệu quả tương tác sư phạm: Mô-đun 1 cung cấp nội dung trước giờ học. GV xây dựng hoặc lựa chọn các video bài giảng ngắn (5-10 phút) và đăng tải lên nền tảng học tập. Hệ thống AI dựa trên dữ liệu học tập lịch sử của người học để đề xuất lộ trình tiếp cận nội dung mang tính cá nhân hóa; Mô-đun 2 đánh giá thích ứng. Sau khi người học hoàn thành việc xem trước, hệ thống tự động tạo bài kiểm tra phù hợp với trình độ từng cá nhân và cung cấp phản hồi tức thời, giúp xác định lỗ hổng kiến thức; Mô-đun 3 tương tác trên lớp. GV khai thác dữ liệu học tập do hệ thống AI cung cấp để điều chỉnh hoạt động giảng dạy phù hợp với nhu cầu SV. SV tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi và tương tác thời gian thực; Mô-đun 4 ôn tập sau giờ học. Hệ thống đề xuất nội dung và bài tập cá nhân hóa dựa trên kết quả học tập, đồng thời theo dõi tiến trình học tập và cung cấp báo cáo trực quan cho cả giảng viên và người học.

2.2. Thiết kế nghiên cứu và kết quả thực nghiệm

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế thực nghiệm sư phạm với nhóm đối chứng. Dữ liệu được phân tích

thông qua phương pháp so sánh chênh lệch trung bình giữa điểm kiểm tra trước và sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, nhằm đánh giá hiệu quả tác động của mô hình giảng dạy.

Đối tượng nghiên cứu: 30 SV năm thứ nhất học kỳ 1 năm học 2025-2026 tại Học viện An ninh nhân dân đều là người mới bắt đầu hoặc trình độ sơ cấp. Được chia ngẫu nhiên thành nhóm thực nghiệm (15 người) và nhóm đối chứng (15 người). Kiểm tra trước thực nghiệm cho thấy trình độ tiếng Trung của hai nhóm không có sự khác biệt đáng kể.

Thời gian thực nghiệm: 5 tuần, mỗi tuần 8 tiết, tổng cộng 40 tiết. Nội dung giảng dạy là bài 1-8 của giáo trình “Hán ngữ Sutong” sơ cấp tập 1 (tác giả Hứa Kim Sinh, do nhà xuất bản Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản năm 2020).

Thiết kế thực nghiệm:

Nhóm	Trước giờ học	Trong giờ học	Sau giờ học
Nhóm thực nghiệm	Xem video trên nền tảng AI + Đánh giá thích ứng + Hỏi đáp thông minh	Dạy học tương tác có hỗ trợ AI + Phản hồi theo thời gian thực	AI đẩy nội dung ôn tập cá nhân hóa
Nhóm đối chứng	Xem video giống nhau (không có AI hỗ trợ)	Tương tác lớp học đảo ngược truyền thống (không có công cụ AI)	Giao bài tập đồng loạt

Công cụ nghiên cứu: 1) Kiểm tra trình độ tiếng Trung (trước và sau thực nghiệm), bao gồm bốn phần: nghe, nói, đọc, viết; 2) Bảng hỏi hành vi học tập.

Phân tích dữ liệu: So sánh chênh lệch trung bình giữa điểm kiểm tra trước và sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

2.2.2. So sánh kết quả học tập

Sau khi kết thúc giai đoạn thực nghiệm, hai nhóm SV được tiến hành kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Trung. Kết quả được phân tích theo phương pháp so sánh chênh lệch trung bình giữa điểm kiểm tra (theo thang điểm 100) trước và sau thực nghiệm của hai nhóm như sau:

Nội dung	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng	Chênh lệch TB
Nghe	82,4	73,6	+8,8
Nói	78,9	68,3	+10,6
Đọc	85,2	80,1	+5,1
Viết	76,8	72,5	+4,3
Trung bình	80,8	73,6	+7,2

Kết quả cho thấy nhóm thực nghiệm đạt điểm trung bình cao hơn nhóm đối chứng ở tất cả các kỹ năng, với mức chênh lệch tổng thể là 7,2 điểm. Trong đó, kỹ năng nói thể hiện mức chênh lệch lớn nhất (+10,6 điểm), tiếp theo là kỹ năng nghe (+8,8 điểm), cho thấy sự cải thiện rõ rệt về năng lực giao tiếp khẩu ngữ.

Xét theo hướng thực nghiệm sư phạm, sự cải thiện này phản ánh hiệu quả của mô hình LHĐN có hỗ trợ của hệ sinh thái AI hiện hữu trong việc tăng cường cơ hội thực hành ngôn ngữ.

Nhìn chung, kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình can thiệp có tác động tích cực rõ rệt, đặc biệt đối với các kỹ năng nghe và nói.

2.2.3. So sánh hành vi học tập

Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy:

Chỉ tiêu	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng	Chênh lệch
Tỷ lệ xem hoàn chỉnh video trước giờ học	93,5%	67,8%	+25,7%
Thời gian học trước giờ học (phút/tuần)	85,3%	52,6%	+32,7%
Tỷ lệ hoàn thành bài tập sau giờ học	96,7%	84,2%	+12.5%

Nhóm thực nghiệm cho thấy mức cải thiện cao hơn ở tất cả các nội dung đánh giá so với nhóm đối

chúng, đặc biệt nổi bật ở hoạt động xem video hoàn chỉnh trước giờ học. Tỷ lệ xem hoàn chỉnh video trước giờ học của nhóm thực nghiệm đạt 93,5%, cao hơn nhóm đối chứng chỉ là 67,8%. Theo phản hồi của SV, mức độ tham gia cao này xuất phát từ việc video được thiết kế gắn liền với các nhiệm vụ thực hành trên lớp và phù hợp với năng lực hiện tại. Điều này giúp người học thấy rõ mục tiêu sử dụng ngay sau khi xem, từ đó tăng hứng thú, tính chủ động và động lực hoàn thành nội dung học tập trước giờ học.

2.3. Thảo luận

2.3.1. Giá trị và ưu thế của lớp học đảo ngược có hỗ trợ AI

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình LHĐN có hỗ trợ AI thể hiện những ưu thế rõ rệt so với mô hình lớp học đảo ngược truyền thống trong bối cảnh dạy - học Tiếng Trung tại Việt Nam. Những ưu thế này không chỉ thể hiện ở việc nâng cao hiệu quả học tập trước giờ học mà còn ở khả năng cá nhân hóa hỗ trợ học tập và cải thiện chất lượng tương tác trên lớp, cụ thể: 1) Mô hình này góp phần giải quyết hiệu quả vấn đề “học tập trước giờ học khó thực hiện”, vốn được xem là vấn đề lớn nhất của LHĐN truyền thống. Trong thực tiễn giảng dạy, hiệu quả của LHĐN phụ thuộc nhiều vào việc SV có hoàn thành hoạt động xem video bài giảng, đọc tài liệu và chuẩn bị bài trước giờ học hay không. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế tại Việt Nam, đặc biệt với những SV có năng lực tự học chưa cao, việc duy trì tỷ lệ hoàn thành học tập trước giờ học là một thách thức lớn. Việc tích hợp AI đã tạo ra cơ chế thúc đẩy học tập thông qua các chức năng như theo dõi tiến độ học tập, nhắc nhở thông minh, đánh giá tức thời và cảnh báo sớm. Cơ chế này không chỉ nâng cao ý thức tự học mà còn tạo ra áp lực tích cực thúc đẩy hành vi học tập. Kết quả thực nghiệm cho thấy tỷ lệ hoàn thành video học tập trước giờ học của nhóm thực nghiệm đạt 93,5%, cao hơn rõ rệt so với nhóm đối chứng, qua đó chứng minh hiệu quả của mô hình trong việc đảm bảo chất lượng giai đoạn trước khi lên lớp; 2) Mô hình này thực hiện được hỗ trợ học tập cá nhân hóa, điều mà lớp học đảo ngược truyền thống khó đạt được. Trong mô hình truyền thống, SV khi tự học trước giờ học thường gặp khó khăn như không hiểu từ mới, chưa nắm được cấu trúc ngữ pháp hoặc chưa hiểu nội dung video bài giảng nhưng không nhận được giải đáp kịp thời từ GV. Điều này dễ dẫn đến tâm lý chán nản hoặc chuẩn bị bài không đầy đủ. Hệ thống hỏi đáp thông minh dựa trên AI có thể cung cấp hỗ trợ 24/7, giải đáp các câu hỏi cơ bản ngay lập tức và đưa ra gợi ý học tập phù hợp với trình độ của từng SV. Đồng thời, AI có thể phân tích lịch sử học tập, mức độ hoàn thành bài tập và những lỗi sai thường gặp để đề xuất học liệu hoặc bài tập bổ sung phù hợp. Điều này giúp hiện thực hóa nguyên tắc “dạy học theo năng lực” và nâng cao hiệu quả học tập cá nhân. Trong bối cảnh lớp học đông tại Việt Nam, chức năng này đặc biệt có ý nghĩa vì vừa giảm tải áp lực hỗ trợ cá nhân cho GV vừa đảm bảo SV được hỗ trợ cần thiết; 3) Mô hình này góp phần nâng cao chất lượng tương tác trên lớp. Trong LHĐN truyền thống, GV thường khó nắm bắt chính xác tình hình học tập trước giờ học của SV, chẳng hạn nội dung nào đã hiểu và nội dung nào còn khó khăn. Điều này khiến việc thiết kế hoạt động trên lớp đôi khi thiếu tính mục tiêu. Với sự hỗ trợ của AI, hệ thống có thể cung cấp báo cáo phân tích dữ liệu học tập chi tiết như tỷ lệ hoàn thành video, thời lượng học tập, số lần xem lại nội dung hoặc điểm kiến thức mà nhiều SV trả lời sai. Dựa trên các dữ liệu này, GV có thể xác định chính xác những vấn đề học tập của SV và điều chỉnh nội dung giảng dạy linh hoạt hơn. Nhờ đó, thời gian trên lớp có thể tập trung nhiều hơn vào các hoạt động tư duy bậc cao như phân tích, thảo luận, giải quyết vấn đề và thực hành giao tiếp thực tế. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian trên lớp và cải thiện chất lượng tương tác giữa GV và SV.

2.3.2. Gợi ý cho dạy - học Tiếng Trung tại Việt Nam

Từ kết quả nghiên cứu trên có thể rút ra một số gợi ý quan trọng cho hoạt động dạy - học Tiếng Trung tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục: 1) Hỗ trợ bằng công nghệ là con đường hiệu quả để giải quyết “khó khăn của lớp học đông”. Tại nhiều cơ sở đào tạo tiếng Trung ở Việt Nam, số lượng SV trong một lớp thường khá lớn, khiến GV khó hỗ trợ từng cá nhân. Việc ứng dụng AI trong mô hình LHĐN cho phép cung cấp hỗ trợ học tập cá nhân hóa cho từng SV mà không làm gia tăng đáng kể khối lượng công việc của GV. Đây là giải pháp có tính khả thi cao trong bối cảnh nguồn lực giảng dạy còn

hạn chế; 2) Kỹ năng nghe và nói là những lĩnh vực được hưởng lợi rõ rệt nhất từ mô hình này. SV Việt Nam học Tiếng Trung thường có đặc điểm “đọc - viết mạnh nhưng nghe - nói yếu”, do ảnh hưởng của mô hình dạy học truyền thống thiên về ngữ pháp và đọc hiểu. Trong khi đó, AI có thể cung cấp các chức năng như đánh giá phát âm, nhận diện lỗi ngữ âm, phản hồi tức thời và mô phỏng hội thoại thông minh. Những chức năng này trực tiếp tác động vào điểm yếu phổ biến của SV Việt Nam, giúp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghe - nói ngoài giờ học và tăng cường khả năng thực hành giao tiếp trên lớp; 3) Vai trò của GV cần được tái định nghĩa trong bối cảnh LHĐN có hỗ trợ AI. Trong mô hình mới này, GV không còn chỉ là người truyền thụ kiến thức mà chuyển dần thành người hướng dẫn học tập, người tổ chức hoạt động và người phân tích dữ liệu học tập. Điều này đòi hỏi GV không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn mà còn cần phát triển năng lực công nghệ, khả năng sử dụng nền tảng AI và năng lực đọc, hiểu, giải thích dữ liệu học tập để tối ưu hóa quyết định sư phạm.

Có thể thấy, việc tích hợp AI với LHĐN không chỉ là đổi mới về công cụ mà còn là sự chuyển đổi trong tư duy dạy học, hướng tới mô hình giáo dục thông minh, cá nhân hóa và lấy người học làm trung tâm.

2.3.3. Hạn chế của nghiên cứu

Mặc dù nghiên cứu bước đầu cho thấy mô hình LHĐN có hỗ trợ AI mang lại những hiệu quả tích cực trong dạy - học Tiếng Trung tại Việt Nam, song nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế cần được nhìn nhận khách quan, cụ thể: 1) Thời gian thực nghiệm ngắn, chỉ kéo dài trong vòng 5 tuần. Khoảng thời gian này chủ yếu cho phép quan sát những thay đổi bước đầu về hành vi học tập, mức độ tham gia và kết quả học tập ngắn hạn của SV nhưng chưa đủ để đánh giá tác động lâu dài của mô hình đối với năng lực ngôn ngữ tổng thể, khả năng duy trì động lực học tập cũng như sự hình thành thói quen tự học bền vững; 2) Quy mô mẫu nghiên cứu còn nhỏ và phạm vi đối tượng nghiên cứu còn hạn chế. Đối tượng nghiên cứu chủ yếu tập trung vào một nhóm SV trong cùng một cơ sở đào tạo, với trình độ học tập và đặc điểm tâm lý tương đối đồng nhất. Điều này khiến tính đại diện của mẫu chưa cao và khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu sang các nhóm đối tượng khác còn hạn chế; 3) Bối cảnh nghiên cứu mang tính đặc thù. Môi trường học tập tại Học viện An ninh nhân dân có những đặc điểm riêng về tính kỷ luật, cơ chế quản lý lớp học và mức độ tuân thủ nhiệm vụ của SV. Những yếu tố này có thể tác động trực tiếp đến tỷ lệ hoàn thành học tập trước giờ học cũng như hiệu quả triển khai mô hình; 4) Công nghệ AI vẫn còn những giới hạn nhất định. Mặc dù AI có khả năng hỗ trợ tức thời và cá nhân hóa học tập, song chất lượng phản hồi của hệ thống vẫn phụ thuộc vào thuật toán, dữ liệu huấn luyện và khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Trong một số trường hợp, AI có thể đưa ra phản hồi chưa hoàn toàn chính xác hoặc chưa phù hợp với ngữ cảnh học tập cụ thể. Đặc biệt trong giảng dạy Tiếng Trung, các lỗi liên quan đến ngữ dụng, sắc thái văn hóa hoặc ngữ âm phức tạp vẫn cần sự điều chỉnh của GV; 5) Nghiên cứu hiện tại chủ yếu tập trung vào việc đánh giá hiệu quả học tập và hành vi học tập, trong khi chưa đi sâu khảo sát các biến số như mức độ chấp nhận công nghệ của SV, thái độ của GV đối với AI hay ảnh hưởng của AI đến lo âu ngôn ngữ và động cơ học tập.

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Nghiên cứu được triển khai dựa trên thực tiễn giảng dạy Tiếng Trung tại Học viện An ninh nhân dân, xây dựng mô hình LHĐN có hỗ trợ AI và kiểm nghiệm hiệu quả thông qua thực nghiệm sư phạm kéo dài 5 tuần. Kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình này mang lại hiệu quả tích cực và rõ rệt đối với quá trình học tập của SV. Trước hết, mô hình góp phần nâng cao đáng kể kết quả học tập, đặc biệt tạo ra sự cải thiện nổi bật ở kỹ năng nghe và nói - những kỹ năng vốn thường là điểm yếu của người học ngoại ngữ trong môi trường giảng dạy truyền thống. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ của AI giúp tăng tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ học tập trước giờ lên lớp, đồng thời nâng cao động lực và tính tự giác của SV trong quá trình chuẩn bị bài. Điều này góp phần khắc phục hạn chế phổ biến của LHĐN truyền thống, khi người học thường lơ là hoặc không đảm bảo chất lượng học tập trước giờ học. Ngoài ra, kết quả khảo sát định tính cho thấy SV có thái độ tích cực đối với mô hình học tập này. Trong đó, khả năng phản hồi tức thời

của trợ lý ảo và tính năng cá nhân hóa học liệu dựa trên trình độ riêng biệt được đánh giá là những yếu tố có giá trị nhất. Những phát hiện trên cho thấy việc tích hợp AI vào LHĐN không chỉ nâng cao hiệu quả học tập mà còn góp phần hình thành môi trường học tập linh hoạt, chủ động và cá nhân hóa hơn cho người học.

3.2. Kiến nghị

Từ các kết quả nghiên cứu, có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

Đối với giảng viên: GV cần chuyển đổi vai trò từ người truyền đạt kiến thức sang người tổ chức, điều phối và hỗ trợ học tập. Thay vì chỉ sử dụng công nghệ như công cụ hỗ trợ, GV nên tăng cường thiết kế các hoạt động tương tác, chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp thực tế trên lớp và nâng cao năng lực phân tích dữ liệu học tập từ hệ thống AI để điều chỉnh phương pháp giảng dạy kịp thời, phù hợp với từng đối tượng người học.

Đối với Học viện/cơ sở đào tạo: Học viện cần đầu tư và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm phục vụ hiệu quả cho việc triển khai mô hình lớp học thông minh. Đồng thời, cần định kỳ tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về AI cho GV và xây dựng cơ chế khuyến khích nghiên cứu hành động, từ đó từng bước chuẩn hóa quy trình đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Bên cạnh hỗ trợ về trang thiết bị, Học viện cũng cần xây dựng môi trường học thuật mở để các sáng kiến giáo dục thông minh được ghi nhận và nhân rộng.

Đối với đơn vị phát triển công nghệ: Các đơn vị phát triển công nghệ cần tối ưu hóa giao diện thân thiện với người dùng, nâng cao tính dễ sử dụng và tích hợp thêm chức năng ngoại tuyến để hỗ trợ SV học tập ở mọi lúc, mọi nơi, không bị phụ thuộc hoàn toàn vào kết nối Internet.

Đối với nghiên cứu trong tương lai: Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng thời gian thực nghiệm để đánh giá tính ổn định và bền vững của kết quả, đồng thời đa dạng hóa đối tượng khảo sát ở nhiều trình độ ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ra, cần đi sâu phân tích cơ chế tác động tâm lý và nhận thức của AI đối với người học nhằm hoàn thiện cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho việc xây dựng hệ sinh thái giáo dục thông minh toàn diện trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bergmann, J., & Sams, A. (2012). *Flip your classroom: Reach every student in every class every day*. Washington DC International Society for Technology in Education.
- [2] 刘晶晶, 关英明 (2016). 翻转课堂应用于对外汉语文化教学的可行性分析, 辽宁教育学院学报, (1), 64-66.
- Lưu Tinh Tinh, Quan Anh Minh (2016). *Phân tích tính khả thi của việc ứng dụng lớp học đảo ngược trong giảng dạy văn hóa Hán ngữ quốc tế*. Tạp chí Học viện Hành chính giáo dục Liêu Ninh, tập 1, tr. 64-66.
- [3] 李察 (2025), 对外汉语SPOC翻转课堂教学模式实践研究, 极目, (6), 13-19.
- Lý Sát (2025). *Nghiên cứu thực tiễn về mô hình giảng dạy lớp học đảo ngược SPOC trong dạy Tiếng Hán đối ngoại*. Cực Mục, tập 6, tr. 13-19.
- [4] Nguyễn Quang Hưng (2025). *Đào tạo tiếng Trung Quốc theo định hướng nghề nghiệp tại Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số đặc biệt 4A, tr. 33-41.
- [5] Nguyễn Thị Vĩnh Bình (2025). *Ứng dụng AI trong giảng dạy Tiếng Trung theo mô hình kết hợp trực tuyến - trực tiếp*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số đặc biệt 7A, tr. 587-595.
- [6] 沈红霞 (2024), 基于人工智能的“线上+线下融合式”对外汉语教学探析, 齐齐哈尔大学学报, (8), 23-30.
- Thẩm Hồng Hà (2024). *Phân tích giảng dạy Tiếng Hán quốc tế theo mô hình kết hợp trực tuyến và trực tiếp dựa trên trí tuệ nhân tạo*. Tạp chí Đại học Tế Tế Cấp Nhì, tập 8, tr. 23-30.